**TRIẾT HỌC HIỆN SINH**

Văn học – loại hình nghệ thuật với thuộc tính phẩm chất là thể hiện quan niệm, tư tưởng của nhà văn về cuộc sống và con người, vì thế có thể thấy trên không gian đa chiều với nhiều lối viết đụng độ ấy hẳn nhiên có sự khảm kết với mảng văn bản triết học. Bởi “triết học không đứng ngoài thế giới” (Mac), hình thái ý thức xã hội nhằm mục đích nhận thức, khám phá chân lí cuộc sống để cải tạo thế giới, cuộc đời. Con người mang lối sống hiện sinh đã tạo nên triết lí hiện sinh và từ đó đi vào trong văn học làm nên tâm thức hiện sinh. Là triết lý về thân phận con người, với những khắc khoải, âu lo trước hiện hữu và hư vô, chủ nghĩa hiện sinh chi phối không ít quá trình sáng tác của nhiều nhà văn trên thế giới, bất luận là phương Đông hay phương Tây. Với thuyết hiện sinh – thuyết nhân bản, các nhà thơ trong đó có Nguyễn Bình Phương đã thể hiện cùng tận nỗi niềm nhân thế và xác quyết tiếng nói trình diện “tha nhân” với nhu cầu tìm kiếm cái tôi bản thể.

Trong thơ Nguyễn Bình Phương, tư tưởng của thuyết hiện sinh về nhân vị, tự do, về cuộc sống bất an và âu lo, sự ê chề của kiếp người, sự hoài nghi thực tại, nỗi ám ảnh về sự đổ vỡ đã hiện diện cùng những đau khổ, dằn vặt, lo âu trong cuộc kiếm tìm và lựa chọn tự do của con người đã làm nên những dòng thơ nhiều khắc khoải, day dứt. Triết học hiện sinh cho rằng bản thân con người sinh ra đã là một sự tự do “bị bỏ rơi”, “phải tự do” bởi vì một khi bị ném vào thế giới, con người chịu trách nhiệm về tất cả những gì mình đã làm” [thuyết nhân bản, tr.45]. Do đó, dù sống giữa cuộc đời trong sự chằng chịt của các mối quan hệ họ vẫn là cái bản thể bí mật. Thơ Nguyễn Bình Phương luôn âm ỉ nỗi cô đơn bản thể đó: “*Ta sinh ra cô đơn/ Giờ cô đơn đã cũ/ Ta trưởng thành bởi sự sợ hãi/ Sợ hãi cũng cũ rồi/…* (***Bài thơ cũ***); ngẫm cho cùng, dẫu đi hết hành trình sống, con người vẫn là một cái tôi tồn tại như một “ốc đảo” cô đơn với những trống trải quanh mình: “*Anh tới đầy trống trải/ Đúng như một con người/ Chạy bạt tử trên gò hoang thoai thoải/ Và reo vang/ Đúng như một con người/ Anh thành đốm nắng không nguồn cội”* ***(Nói với em từ trống trải).*** Thơ nguyễn Bình Phương còn thấy trạng thái bất an, nỗi chống chếnh, lạc lõng của con người trước hiện thực sống***.*** Giữa những ngổn ngang, ngột ngạt của đời sống hiện đại, sự hiện diện của bao “biển hiệu”, sắc màu không khiến không gian thêm ấm áp, khoảng cách con người sát lại gần hơn mà càng đậm tô thêm bao mệt mỏi uể oải, chán chường của nhà thơ về thế giới phồn tạp và sự đổ vỡ của nhiều giá trị: “*Những biển hiệu đồng thanh cất tiếng/ Bằng nét chữ sáng lòa/ Qua tranh đấu một ngày mệt lả/ Giọng khàn khàn tắt lịm nơi nao/ Trái tim te tua vì thời cuộc/ Có ai nhìn thấy nhịp đập chăng?/…Những biển hiệu cười cợt/ Chữ trắng múa trên nền đen loang lổ* (***Những biển hiệu***). Trong không gian đô thị nhộn nhịp và nhốn nháo của những “lũ trẻ online”, “đám @ đánh võng” và nhịp sống đơn điệu của những “khuôn mặt công chức mệt mỏi”, cùng “bàn giấy” và “những cuộc họp rạc dài”, có khuôn mặt cô đơn, lạc lõng của nhà thơ hiện diện với nỗi chán chường vây bủa, giăng trải thành ngàn khoảng trống vô tận:

*“Ngàn xe máy chở ngàn khoảng trống*

*Phóng như bay vào nỗi chán chường”*

***(Bâng quơ)***

Cuộc chạy thoát cô đơn bất thành bởi cô đơn là bi kịch muôn thuở của con người hiện sinh khi “càng đạt được tự do theo ý nghĩa là bộc lộ chân tính độc đáo giữa con người và thiên nhiên thì càng trở nên một “cá thể riêng biệt” [Trốn thoát tự do, tr. 27], sẽ không còn lựa chọn nào khác ngoài việc tìm thấy sự hòa hợp với thế giới và triệt tiêu bản ngã cá nhân. Đó là phi lí và nỗi đau của con người cá nhân trong đời sống hiện đại với khao khát được nhận thức thế giới và thấy mình. Cái sự tự do của việc lựa chọn hành động mà “con người tự giãi mã cung mệnh theo ý thích của mình” [**hiện sinh – thuyết nhân bản, tr.45**] thật khiến cái nhìn về tương lai cũng nhuốm màu buồn lo, thơ Nguyễn Bình Phương bày ra vô số khoảng trống cuộc đời mà con người phải tự áp vào: “*Có thấy ngàn ngàn khoảng trống/ Áp vào một mẫu đời riêng/ Như ngàn ngàn kí tự áp vào màn hình sục sôi đang chờ ta phía trước/ Màn hình nào sẽ mở/ Cho số phận băng ra?* (***Một mùa hè mọi thứ áp vào nhau***).

Cùng nỗi cô đơn, chán chường là nỗi âu lo khi gánh trách nhiệm trong đời: “*Thảy những gì ta có/ Là tượng đài âu lo*” (***Vĩnh cửu***); Cái âu lo của phận người khi mang bi kịch “bị lưu đày” đã trở thành nỗi ám ảnh không sao thoát được: “*Lần thứ ba bỏ trống giữa bình minh/ Mở mắt gặp âu lo lần thứ bảy/ Bên chiếc gối mịt mờ/ Cuộc sống dề dà, không chịu bay*” (***Những thứ tự***). Nhưng đã mang mặc cảm kiếp người giữa chốn phù sinh, con người phải dấn thân trong nỗi trầm luân bi đát ấy: *“Chầm chậm bò giữa nắng/ Một đoàn tàu pha lê/ Về đâu con sâu róm lạ lùng kia bốn bề là mê trận/ Những cuộc đời quanh co vô tận/ Lơ mơ cỏ và sao/ Chẳng ai biết kết thúc ở nơi nào/ Chầm chậm chầm chậm bò giữa nắng…”* (***Hành trình***). Hành trình đi hết kiếp nhân sinh không hẹn bến bờ chỉ biết “can trường” lê lết trên “đường lưu đày biệt xứ” với dự cảm đầy âu lo: *“Trên con tàu này chuyến đi dài dằng dặc/ Những bến bờ âu lo/ Kiên nhẫn chờ ta chờ ta đâu đó”.* Có lẽ vì thế, Nguyễn Bình Phương hình tượng hóa nỗi buồn như trạng thái cảm xúc thường trực của con người hiện đại khi chiêm nghiệm về lẽ sống: “*Buồn nghĩ miên man nhưng chẳng bao giờ lạc/ Một cái tên lanh lảnh giữa trưa hè/…Lấp trong bóng sách đổ trên ngực hững hờ/ Buồn tắt công tắc điện/ Rồi đi…”* ***(Buồn).***

Nhận thức về sự hiện hữu của cái tôi hữu thể, thơ Nguyễn Bình Phương không khỏi nao núng trước sự hạn hữu của kiếp người và sự trôi đi của nhiều giá trị khi thời gian không chờ đợi. Những dự cảm lo âu cũng vì thế mà trải dài trong thơ ông như nỗi buồn muôn đời của nhân thế. Mỗi ngày sống là mỗi ngày bước qua thời gian, con người hiện hữu trong thời gian và cũng đang dần tan biến trong nó “*kẻ viết vô tình để thời gian trôi lạc/ thấy đời mình còn lại chút bâng khuâng*”; *“Thời gian đổ kềnh trên đầu gối/ Qua kẽ tay thế sự nhờn nhợt rơi*” (***Tượng đá cầm gương***). Và rồi dự cảm về cái chết luôn thường trực với nỗi lo âu trước cái nghịch lí của đời người: “*rồi một nẻo đường rêu phủ xanh/ với dấu đi vô hình nhợt nhạt*” (***Khoảnh khắc***). Trong nỗi tiếc nuối nhân thế, nhà thơ xuất hiện với khuôn mặt tự họa đầy trầm ngâm, suy tư ở “mặt kia” của kiếp sống: “*Phía sau hiển nhiên là tôi/ lẩn thẩn ngồi canh giữ vết thương/ ấm trà đã thiu thỉu nguội/ máu trong người lờ lững buông xuôi*” (***Mặt bên kia****).*

Và cách phản kháng duy nhất với sự hạn hữu của kiếp người là bằng mọi cách phải chứng thực hiện hữu sống và trân trọng từng khoảnh khắccủa cuộc đời. Nhưng khi chứng thực sự hiện hữu,con người hiện sinh không ngừng trăn trở khi đi tìm câu trả lời về chính mình. Trong bi kịch một kẻ tự do, bị lưu đày, con người giữa cõi đời đến từ đâu và kết thúc nơi nào đã trở thành vấn đề nhức nhối muôn đời của thơ ca và dường như chưa đứt mạch trong thơ hiện đại. Nỗi khắc khoải về sự tồn tại của bản thể là thường trực trong thơ Nguyễn Bình Phương bởi cuối cùng trong muôn mặt người khác, anh là gì vẫn không thể định nghĩa được: “*Ta là gì trong ý nghĩ của ta/ Là gì nhỉ cái dãy phố con con treo đầy biển hiệu”* (***Hóa hình*);** *“Anh từng nghĩ mình là gì nhỉ/ Người đàn ông da vàng/ Trên con tàu này chuyến đi dài dằng dặc”* ***(Hành trình).*** Cuộc lật trở, truy tìm bản thể vì thế đã trở thành nguồn cảm hứng bất tận trong tâm thức của nhà thơ khi sáng tác. Với thơ, nơi cái tôi tác giả được bộc lộ gần như trọn vẹn thì hành trình tìm mặt càng trở nên riết róng, thê thiết hơn bao giờ.Bằng đường dẫn vô thức, qua giấc mơ và những ảo giác - “một phương tiện có sức mạnh toàn năng”, nhà thơ tự “quăng ném” cái tôi hữu thể vào thế giới khác, một thế giới nhuốm màu siêu thực để khám phá thế giới bên trong tiềm thức con người, nhặt lấy cái bóng âm bí ẩn của chính mình. Tràn ngập thi giới Nguyễn Bình Phương là thế giới của giấc mơ, của trạng thái ngủ, say mà con người sống nhiều hơn về phần vô thức. Những giấc mơ trong suốt mang đến sự bình yên của tâm hồn “*Những con chim ngủ yên trong mặt trăng bằng nước/ Mưa phùn bay giấc mơ màu ngọc”* (***Tháng mười một***); là vùng khai mở phút vụt sáng của đời sống tâm linh làm con người tỉnh thức hơn nhiều điều: *“Tôi nhuộm sáng khi tỉnh thức/ Còn khi ngủ/ Phó mặc giấc mơ/ Có giấc mơ/ Không tìm thấy bóng tối (Tĩnh lặng)* và có khi là những ám ảnh, bất an rập rình xuất hiện bởi giấc mơ “sát chủ”: “*Những tiếng kêu trầm trầm quanh họ/ Như tiếng kêu của những con dao/ Gặp giấc mơ sát thủ* ***(Chợ núi).***

Cùng với mơ, trạng thái ngủ, say đã giúp cái tôi thoát khỏi những kềnh càng thể xác mà bay vào miền nội giới, nơi đó có tiếng nói trổi dậy của bản năng vô thức, khao khát mãnh liệt được buông bỏ thế giới vật chất để sống trọn phần hồn, suy tư và nhận thức bản thể: “*Ngủ trên mây/ Trên ngàn/ Trên làn môi kiêu sa/ Ngủ trên đồng bằng thơm tho giấc trẻ/ Ngủ...(…) Ngủ…ngủ…ngủ../ Ngủ trong thân hình xa lạ* (***Vĩnh biệt***). Cái tôi “xa thân” đã chạm rất nhẹ đến cõi siêu linh của tâm hồn: *Ngủ/ Và mơ/ Mùa hạ/ Chạm vai mình rất khẽ* (***Bài thơ cho một khoảng trống****).* Và có khi cái tôi ấy làm cuộc chuyển thân trong hình hài của loài linh miêu,khi khoác hờ vào mình cánh cửa của đêm, lúc trầm mình trong khoảng núi rừng thâm umànghe âm thanh bí ẩn của đêm, cái bản năng ẩn chìm đầy hoang dã khi lặn trong khoảng lặng - vùng tối của cái tôi. Và sự suy tư về bản thể ở nhà thơ đã mang đến những điều phát hiện mới mẻ: những tha nhân trong những hình hài mới và đằng sau sự phân rã đầy mỏi mệt là cái tôi vốn phức tạp ở mỗi con người: “*Và một ngày ta hốt hoảng nhận ra/ Tự bao giờ mình chia thành trăm mảnh/ Này một mảnh đi về ký ức/ Muộn mằn ơi chẳng ai đón bên đường/ (…) Một mảnh say ngất ngưởng tọa ngang trời/ Nghe sấm động mưa thu về bất chợt (****Tạm thời chưa có tên****).* Nhà thơ không những đi tìm cái “tôi hiện hữu” mà còn đi tìm từng “mảnh vỡ” của cái “tôi” ấy. Để có lúc, trong sự gào thét đầy dằn xé giữa cái hữu thể - vô hình, với khát vọng tri nhận và nắm bắt nó, nhà thơ đã có hành động dấn thân đầy táo bạo, đau đớn, chấp nhận rũ bỏ mình, thác đi trong cái bản ngã đầy hiện sinh ấy: “*Tự cấu mặt mình như cấu bùn/ Vứt ra xa/ Rơi vào đâu không biết…(****Thác).***

Nhưng đã bao lần mải mê trong sự kiếm tìm, nhà thơ nhận ra cái bi kịch đau đớn đầy phi lí giữa cõi hiện tồn. Trên hành trình “tìm mặt” giữa bao mặt người “lơ vơ”, nhà thơ bị đắm mình trong cái ảo ảnh ấy mà lạc lối không nhận ra bản thể: “*Một người không tìm ra mặt/ đi vòng vo trong ảo ảnh của mình/ trái tim mờ mờ lỗi nhịp*”, để rồi ranh giới mờ nhòe giữa cõi hữu hình và vô hình, khi lạc vào đôi mắt khép mở để trục vớt cái nguyên thể, nhà thơ đôi lần bị mắc kẹt lại trong mật đạo bí mật mà mình đã giăng phải “*Trong giấc ngủ đầy mộng mị/ Trăng không thể bay ra…”*(***Mắt***). Để khi sục tay chạm thấy “cái bóng gầy chơi vơi”, người thơ mơ hồ trong nỗi sợ cái bóng âm của chính mình thì công cuộc hiện sinh đã đi đến điểm chót của sự tri nhận, khẳng định sự tồn tại trong nỗi niềm rất nhân thế: “*Trong giấc ngủ vời xa có một ánh trăng/ Trong ánh trăng một ngọn đèn nho nhỏ/ Sáng ngập ngừng nỗi sợ đời tôi…”* (***Nỗi sợ).***

Và có một kiểu tìm kiếm tha nhân rất đặc biệt trong thi giới Nguyễn Bình Phương cũng chính là phạm trù quan trọng của chủ nghĩa hiện sinh ấy là dự phóng về cái chết. Cái chết không hề là điều đáng sợ bởi theo Sartre, cái chết nằm ngoài cuộc hiện sinh của con người, bởi chết là hết sống, như vậy còn đâu “cái tôi” để nói “tôi chết” được. Nhà thơ thực hành sự chết và đón nhận nó một cách thanh thản, êm nhẹ, đó chỉ là bước chuyển giao của sự sống, một sự tan loãng mơ màng: “*Trong thời khắc cuối cùng của mùa đông/ Anh giã từ chính mình thật khẽ khàng/ Và anh là núi đồi mơ màng/ Chưa lìa xa bóng tối*” (***Ban mai);*** *“Chết nở một nụ cười sáng nhẹ/ Chẳng vĩnh biệt em chẳng tiễn biệt ai”* (***Nhẹ).*** Đặc biệt, khi thực chứng sự tồn tại ý nghĩa của đời mình, cái chết được nhắc đến thường xuyên như sự tự ý thức về sự hiện hữu của con người hiện sinh trên cõi đời để trân quí hơn sự sống. “*Vậy nhé/ Hãy dừng lại tại đấy mà nghe/ Nó đang ở cuối con đường/ Thân thể gầy còm vì chay tịnh/ Mỏng, nhàn nhạt, sạch bong như chú mèo trung tính/ Trộn lẫn vào những muộn phiền luyến ái của ta”* (***Khoảng giữa***). Trong cái tôi “xa thân”, nhà thơ đã làm cuộc trượt đẩy mình đến tận điểm chót cùng mà quay ngược lại tri nhận bản thể sống. Ngay khi rũ bỏ xác phàm, con người nhận thấy niềm luyến ái, muộn phiền – những cảm xúc rất đời, ấy là nhân vị, là những giá trị sống cũng là sự khẳng định hữu thể trong thế giới này.

Như thế, các phạm trù của triết học hiện sinh: cô đơn, tự do - bị lưu đày, lo âu, sợ hãi, hiện hữu và hư vô, truy tìm bản thể và khẳng định nhân vị đã được hiển lộ trong thi giới Nguyễn Bình Phương khi nhà thơ thể hiện quan niệm về cuộc sống và con người. Nơi “văn bản” là một sự hoán vị của các văn bản khác gặp gỡ nhau, tan loãng vào nhau và trung hòa sắc độ của nhau, triết lý hiện sinh được dẫn nối một mặt như quy luật phóng chiếu cuộc đời hiện hữu trong thế giới nghệ thuật, mặc khác đã thể hiện cái nhìn đầy nhân văn khi chiêm nghiệm cuộc sống của nhà thơ. Sự “khảm ghép” ấy đã tăng thêm tính phóng mở cho thơ trữ tình – thể loại có thể ôm chứa trong nó vô vàn những vấn đề của sự sống, đó chính là biểu hiện thuộc về thuộc tính văn bản và nhà thơ trên hành trình “biên chép” những cái biểu đạt đã thực hiện được khát vọng cách tân thơ hiện đại một cách đáng ghi nhận.